

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 809/2023/HC-PT

Ngày 13 – 9 – 2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính;
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi,
bồi thường, hỗ trợ và quyết định
giải quyết khiếu nại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán:

Ông Vương Minh Tâm

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 282/2023/TLPT-HC ngày 24 tháng 4 năm 2023 về khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và quyết định giải quyết khiếu nại.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 140/2022/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2168/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Dương Thanh H, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp 4, xã CC, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (theo Giấy ủy quyền ngày 15/12/2020): Ông Trần Văn A, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 76, đường BC, Phường 1, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, (có mặt).

- Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang;
- Ủy ban nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Huỳnh Quang H1
– Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PQ, (xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Quang L – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, (có mặt);

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Dương Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Dương Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Trần Văn A trình bày:*

Để thực hiện dự án “Khu du lịch sinh thái BD tại ấp GD, xã GD, huyện (nay là thành phố) PQ, tỉnh Kiên Giang”, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố PQ thu hồi của ông Dương Thanh H tổng diện tích đất 7.125m² tọa lạc tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, ngày 20/11/2013, UBND huyện PQ ban hành Quyết định số 5642/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông H với diện tích 699,28m² và Quyết định số 5643/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông H với diện tích 3.043,6m²; tổng diện tích bị thu hồi theo hai Quyết định (5642/QĐ-UBND và 5643/QĐ-UBND) là 3.742,88m², còn lại diện tích 3.382,12m² UBND thành phố PQ không ra Quyết định thu hồi đất.

Ngày 26/11/2013, UBND huyện PQ ban hành Quyết định số 5787/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông H với nội dung: hỗ trợ 40% giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.382,12m², phần diện tích còn lại 3.742,88m² theo hai quyết định thu hồi đất (5642/QĐ-UBND và 5643/QĐ-UBND) không được bồi thường, hỗ trợ về đất. Không đồng ý với Quyết định bồi thường, hỗ trợ trên nên ông H đã khiếu nại đến UBND thành phố PQ yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi 7.125m².

Ngày 04/11/2016, UBND huyện PQ ban hành quyết định số 6767/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H với số tiền 262.796.800 đồng.

Ngày 23/01/2019, UBND huyện PQ ban hành Quyết định số 303/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại đối với ông H, với nội dung: UBND huyện PQ không đồng ý bồi thường diện tích đất 7.125m² mà chỉ tăng hỗ trợ từ 40% lên 60% đối với diện tích 3.382,12m².

Nguồn gốc đất 7.125m² của ông H được khai khẩn sử dụng từ năm 1997 để trồng tràm bông vàng, đào, trúc, tre, phi lao và cất nhà ở đến khi Nhà nước thu hồi đất nhưng ông H không được UBND thành phố PQ bồi thường quyền sử dụng đất nên ông H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 303/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND huyện PQ; Quyết định số 5787/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND huyện PQ về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông H và buộc UBND huyện PQ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông H đúng theo quy định đối với diện tích bị thu hồi 7.125m².

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6767/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện PQ và buộc UBND thành phố PQ ban hành Quyết định thu hồi đất đối với diện tích 3.382,12m².

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố PQ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PQ, có người đại diện theo ủy quyền ông Trần Chiến Th trình bày ý kiến:

+ Đối với Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện PQ:

Về thẩm quyền: Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện PQ là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu nên Chủ tịch UBND huyện PQ ký ban hành là đúng với quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại 2011.

Về trình tự, thủ tục ban hành: Chủ tịch UBND huyện PQ thực hiện đúng theo quy định Điều 27, Điều 29 và Điều 30 của Luật Khiếu nại 2011.

Về hình thức văn bản: Chủ tịch UBND huyện PQ giải quyết khiếu nại bằng hình thức quyết định là đúng với quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại 2011.

Về nội dung giải quyết:

Về nguồn gốc diện tích đất 7.125m² tại ấp GD, xã GD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang, gồm 02 phần:

Phần thứ nhất: Diện tích đất 4.081,4m² (trong đó có diện tích 3.382,12m² là đất có Quyết định thu hồi sau thanh tra theo Quyết định số 2479/QĐ-UB ngày 28/7/2004 về việc thu hồi đất do bao chiếm, lấn chiếm đất đai do Nhà nước quản lý thuộc ấp GD, xã GD đối với ông Dương Thanh H) trước năm 1998 là đất rừng tự nhiên chưa ai sử dụng do Nhà nước quản lý. Năm 1998, ông Dương Thanh H vào phát dọn cây rừng tự nhiên để cất nhà ở và trồng hoa màu như đào, đu đủ, mận... với diện tích 3.382,12m². Còn lại diện tích 699,28m² là do ông H tự bao chiếm thêm sau khi có quyết định thu đất sau thanh tra và được ông H quản lý sử dụng đến khi quy hoạch.

Phần thứ hai: Diện tích đất 3.043,6m² (nằm trong diện tích đất 4.526,9m² bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2013) ông H vào bao chiếm sử dụng từ năm 2000 (vị trí tiếp giáp mặt nước biển do Nhà nước quản lý) để cất 02 tum bằng lá bán quán ăn uống và sử dụng được 02 năm thì không sử dụng nữa. Đến năm 2010, ông H quay lại thửa đất trên để trồng cây trúc; tháng 06/2011, ông H cất 01 quán ăn và bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (theo Quyết định số 676/QĐ-XPHC, ngày 18/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Dương Thanh H).

Ngày 20/11/2013, UBND huyện PQ ban hành Quyết định số 5642/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 699,28m² (loại đất rừng đặc dụng); Quyết định số 5643/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 3.043,6m² (loại đất rừng đặc dụng) đối với ông H. Theo Phương án được phê duyệt, ông H không được bồi

thường về quyền sử dụng đất diện tích 7.125m² (trong đó có diện tích 3.382,12m² có Quyết định thu hồi sau thanh tra).

Ngày 23/01/2019, UBND huyện PQ ban hành Quyết định số 303/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Thanh H, với nội dung: *“Thống nhất bổ sung Quyết định số 5787/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND huyện PQ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu du lịch sinh thái BD, tại xã GD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang cho ông H. Nội dung bổ sung: Bổ sung hỗ trợ vật kiến trúc gồm: 01 cây giồng khoan tay, 01 nhà tắm có diện tích 4,8m², gạch men 3,84m²; điều chỉnh, bổ sung mức hỗ trợ quyền sử dụng đất diện tích 3.382,12m² từ mức bằng 40% giá đất rừng sản xuất lên mức bằng 60% giá đất nông nghiệp cho ông Dương Thanh H. Không thừa nhận yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 7.125m²; yêu cầu bồi thường cây trồng, vật kiến trúc còn thiếu tại dự án Khu du lịch sinh thái BD, tại xã GD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang của ông Dương Thanh H”*.

Việc UBND huyện PQ không bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 7.125m² cho ông H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003; Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Từ những cơ sở nêu trên khẳng định, việc UBND huyện PQ ban hành Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Thanh H là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, việc ông Dương Thanh H yêu cầu UBND huyện PQ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông H theo quy định pháp luật đối với diện tích đất 7.125m² tại dự án Khu du lịch sinh thái BD là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Dương Thanh H với nội dung yêu cầu “hủy Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Thanh H; Quyết định số 5787/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND huyện PQ về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Dương Thanh H; Quyết định số 6767/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện PQ về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu du lịch sinh thái BD tại xã GD, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu UBND huyện PQ ban hành quyết định bồi thường diện tích đất 7.125m² bị thu hồi tại dự án Khu du lịch sinh thái BD”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Chiến Th là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày ý kiến: Về nguồn gốc diện tích đất 3.382,12m² là đất đã có quyết định thu hồi sau thanh tra; đối với diện tích 699,28m² là do ông H tự bao chiếm sử dụng sau thanh tra (sau ngày 01/7/2004) và diện tích 3.043,6m² ông H bao chiếm sử dụng từ năm 2000 (vị trí mặt nước biển do nhà nước quản lý) sử dụng 02 năm thì bỏ không sử dụng nữa. Đến 2010, ông H vào sử dụng để trồng trọt, cất quán ăn và bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2013. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 140/2022/HC-ST ngày 19/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh H:

+ Hủy Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện PQ về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Thanh H; Quyết định 5787/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của Ủy ban nhân dân huyện PQ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Dương Thanh H và Quyết định số 6767/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện PQ về bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông Dương Thanh H.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi diện tích 3.382,12m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang do ông Dương Thanh H sử dụng. Cụ thể: Ban hành quyết định thu hồi đất, lập, thẩm định phương án, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Dương Thanh H đối với diện tích bị thu hồi 3.382,12m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PQ ban hành quyết định hỗ trợ cho ông Dương Thanh H bằng 60% giá trị đất nông nghiệp đối với diện tích 699,28m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh H về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố PQ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 3.043,6m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/10/2022, người khởi kiện ông Dương Thanh H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung yêu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung yêu cầu phần khởi kiện còn lại của ông H, cụ thể: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PQ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông H theo đúng quy định đối với diện tích đất còn lại: 3.742,88m² (3.043,6m² + 699,28m²) tọa lạc tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Dương Thanh H, có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn A tham gia phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án này là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện ông Dương Thanh H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét

xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Về kháng cáo của người khởi kiện ông Dương Thanh H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung yêu cầu phần khởi kiện còn lại của ông H đối với diện tích đất 3.742,88m² (3.043,6m² đất giáp biển + 699,28m² giáp núi) tọa lạc tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang:

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của ông H đối với diện tích đất 3.043,6m² giáp biển là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông H đối với diện tích đất 3.043,6m² giáp biển là không có cơ sở để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo này của ông H.

Còn đối với diện tích đất 699,28m² giáp núi, người bị kiện không chứng minh được việc ông H khai phá sử dụng diện tích đất này là không cùng thời điểm ông H khai phá sử dụng diện tích 3.382,12m² mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc UBND thành phố PQ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi đất. Kháng cáo của ông H đối với diện tích đất 699,28m² giáp núi là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo này của ông H, sửa quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng buộc UBND thành phố PQ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông H theo đúng quy định đối với cả diện tích đất 699,28m² giáp núi tọa lạc tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Dương Thanh H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính, như sau:

[1] Về việc tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm:

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung, sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

phúc thẩm nhận định:

[2.1] UBND thành phố PQ thu hồi của ông Dương Thanh H tổng diện tích đất 7.125m² tọa lạc tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang để thực hiện dự án “*Khu du lịch sinh thái BD tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang*”. Trong đó, diện tích 699,28m² được UBND huyện PQ thu hồi theo Quyết định số 5642/QĐ-UBND ngày 20/11/2013; diện tích đất 3.043,6m² được thu hồi theo Quyết định số 5643/QĐ-UBND ngày 26/11/2013; còn lại diện tích 3.382,12m² UBND thành phố PQ không ra quyết định thu hồi đất. Ngày 26/11/2013, UBND thành phố PQ ban hành Quyết định số 5787/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông H với nội dung: hỗ trợ 40% giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.382,12m², phần diện tích còn lại 3.742,88m² theo hai quyết định thu hồi đất (số 5642/QĐ-UBND và số 5643/QĐ-UBND) không được bồi thường, hỗ trợ về đất.

[2.2] Không đồng ý với quyết định bồi thường, hỗ trợ nêu trên, ông H đã khiếu nại đến UBND thành phố PQ yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi 7.125m². Khiếu nại của ông H được UBND huyện PQ giải quyết tại Quyết định số 6767/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 với nội dung, bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H với số tiền 262.796.800 đồng. Ông H tiếp tục khiếu nại. Tại Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 23/01/2019, UBND huyện PQ giải quyết khiếu nại đối với ông H với nội dung: UBND huyện PQ không đồng ý bồi thường diện tích đất 7.125m² mà chỉ tăng hỗ trợ từ 40% lên 60% đối với diện tích 3.382,12m².

[2.3] Không đồng ý, ông Dương Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án: hủy Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện PQ; hủy Quyết định số 5787/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND huyện PQ về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông H; hủy Quyết định số 6767/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND huyện PQ về việc bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông H; buộc UBND thành phố PQ ban hành quyết định thu hồi đất của ông H với diện tích 3.382,12m²; đồng thời, buộc UBND thành phố PQ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Dương Thanh H với tổng diện tích đất bị thu hồi 7.125m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

Các yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh H đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 140/2022/HC-ST ngày 19/9/2022. Tuy nhiên, ông Dương Thanh H có đơn kháng cáo với nội dung, không đồng ý đối với phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm: “*Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PQ ban hành quyết định hỗ trợ cho ông Dương Thanh H bằng 60% giá trị đất nông nghiệp đối với diện tích 699,28m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang*”; và phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm: “*Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố PQ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 3.043,6m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang*”. Do đó, ông H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung yêu cầu phần khởi kiện còn lại của ông H, cụ thể: Buộc UBND thành phố PQ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông H theo đúng quy định đối với diện tích đất còn lại:

3.742,88m² (3.043,6m² + 699,28m²) tọa lạc tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Đối với nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Dương Thanh H tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.3.1] Về điều kiện bồi thường đối với diện tích đất 699,28m² bị thu hồi theo Quyết định số 5642/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của Ủy ban nhân dân huyện PQ; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.3.1a] Hồ sơ vụ án thể hiện, đối với phần diện tích đất giáp núi, trước ngày 18/6/1998 (trước ngày giao đất cho rừng phòng hộ PQ) là đất rừng tự nhiên chưa ai sử dụng do Nhà nước quản lý. Tuy nhiên, theo ông Dương Thanh H trình bày, từ năm 1995 ông H đến diện tích đất này phát dọn trồng cây, đến năm 1997 cất nhà ở. Quá trình sử dụng đến năm 2003-2004 có Đoàn thanh tra của UBND huyện PQ và Thanh tra của tỉnh Kiên Giang về đất đai, thời điểm này ông H có kê khai đo đạc phần đất đang sử dụng với diện tích 3.382,12m² tại ấp GD, xã GD, huyện (nay là thành phố) PQ, tỉnh Kiên Giang. Ngày 28/7/2004, UBND huyện PQ ra Quyết định số 2479/QĐ-UB về việc thu hồi đất diện tích 3.382,12m² đối với ông Dương Thanh H, do bao chiếm đất Nhà nước quản lý (đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ). Tuy nhiên, sau khi có quyết định thu hồi đất thì ông H vẫn tiếp tục quản lý sử dụng và ở trên đất đến khi nhà nước thực hiện dự án.

[2.3.1b] Tại biên bản làm việc ngày 21/8/2014 với Thanh tra huyện PQ, ông H xác định diện tích 699,28m² ông khai phá sử dụng sau khi có kết luận thanh tra và sau khi có quyết định thu hồi đất số 2479/QĐ-UB ngày 28/7/2004 của UBND huyện PQ.

[2.3.1c] Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã có đủ cơ sở xác định, diện tích 699,28m² là do ông H tự bao chiếm thêm sau khi có quyết định thu hồi đất sau thanh tra và được ông H quản lý sử dụng đến khi thu hồi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định, diện tích 699,28m² có quá trình sử dụng sau ngày 01/7/2004, đất thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ PQ quản lý và thời điểm thu hồi đất ngày 20/11/2013 nên UBND huyện PQ áp dụng Luật Đất đai năm 2003, Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ không bồi thường, hỗ trợ về đất cho ông H là phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, kể từ khi ông H sử dụng đến nay không có ai tranh chấp và ông không bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm đất đai, ông H sử dụng liên tục, trên đất có nhiều thành quả lao động (cây trồng trên đất). Do đó, để đảm bảo được quyền lợi của người có đất bị thu hồi nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 20 của Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang để hỗ trợ cho ông H bằng mức 60% giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 699,28m². Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc UBND thành phố PQ ban hành quyết định hỗ trợ cho ông H bằng 60% giá trị đất nông nghiệp đối với diện tích 699,28m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3.2] Về điều kiện bồi thường đối với diện tích đất 3.043,6m² bị thu hồi theo Quyết định số 5643/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của UBND huyện PQ;

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.3.2a] Hồ sơ vụ án thể hiện, diện tích 3.043,6m² (nằm trong diện tích đất 4.526,9m² bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2013) ông H vào bao chiếm sử dụng từ năm 2000 (vị trí tiếp giáp mặt nước biển do Nhà nước quản lý) để cất 02 tum bằng lá bán quán ăn uống và sử dụng được 02 năm thì không sử dụng nữa. Đến năm 2010, ông H quay lại thửa đất trên để trồng cây trúc, tháng 06/2011 ông H cất 01 quán ăn và bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (Quyết định số 676/QĐ-XPHC, ngày 18/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Dương Thanh H). Ông H đã được triển khai quyết định xử phạt nói trên và đồng ý với nội dung xử phạt. Việc tháo dỡ tài sản trên đất ông H cũng thống nhất theo quyết định.

[2.3.2b] Tòa án cấp sơ thẩm xác định, phần đất 3.043,6m² của ông H bị thu hồi có quá trình sử dụng sau ngày 01/7/2004 (sử dụng 2010) và đã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt về hành vi chiếm đất nhà nước quản lý (xử phạt năm 2013). Do đó, UBND huyện PQ căn cứ Luật Đất đai năm 2003, Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành chính sách hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện PQ để không bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 3.043,6m² đối với ông H là phù hợp pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu buộc UBND thành phố PQ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 3.043,6m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Thanh H cho rằng, toàn bộ diện tích đất 7.125m² có nguồn gốc, quá trình sử dụng đất giống nhau, là do ông H khai phá từ khoảng năm 1995-1997, gia đình ông H trồng tiêu, đào và một số cây lâu năm, cất nhà để ở và làm ăn kinh doanh, sử dụng ổn định cho đến khi Nhà nước thu hồi đất. Tại Tờ kê khai sử dụng đất và nhà ở ngày 14/4/2004 có xác nhận của Tổ trưởng tổ nhân dân tự quản số 7 và xác nhận của Ban nhân dân ấp, ông H khai thửa 01 có diện tích 5.220,5m². Diện tích đất này là một thửa liền nhau kéo dài từ biển lên núi. Sau này, do làm đường nên chia thành 02 phần đất chia cắt bởi Lộ BD, theo đo thực tế phần giáp biển có diện tích 3.043,6m² và phần giáp núi có diện tích 3.382,12m² + 699,28m², nên tổng diện tích là 7.125m². Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Thanh H về lý do kháng cáo của ông H như trên là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Người khởi kiện ông Dương Thanh H kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của ông

Dương Thanh H đối với diện tích đất 3.043,6m² giáp biển là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận ý kiến trình bày của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của ông Dương Thanh H đối với diện tích đất 699,28m² giáp núi, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc UBND thành phố PQ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông H theo đúng quy định đối với cả diện tích đất này là không phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5]] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm;

Đương sự kháng cáo ông Dương Thanh H phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

1- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Dương Thanh H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 140/2022/HC-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 193, 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 53, 62, 69, 74, 75, 77, 82 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003; Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 26/11/2013 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh H:

+ Hủy Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện PQ về việc giải quyết khiếu nại của ông Dương Thanh H; Quyết định 5787/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của Ủy ban nhân dân huyện PQ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Dương Thanh H và Quyết định số 6767/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện PQ về bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông Dương Thanh H.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi diện tích 3.382,12m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang do ông Dương Thanh H sử dụng. Cụ thể: Ban hành quyết định thu hồi đất, lập, thẩm định phương án, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Dương Thanh H đối với diện tích bị thu hồi 3.382,12m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

+ Buộc Ủy ban nhân dân thành phố PQ ban hành quyết định hỗ trợ cho ông Dương Thanh H bằng 60% giá trị đất nông nghiệp đối với diện tích 699,28m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh H về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố PQ ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 3.043,6m² tại ấp GD, xã GD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Án phí hành chính sơ thẩm:

+ Người khởi kiện ông Dương Thanh H không phải nộp.

Hoàn trả cho ông Dương Thanh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000743 ngày 13/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

+ Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố PQ phải nộp 300.000 đồng.

+ Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PQ phải nộp 300.000 đồng.

2- Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Dương Thanh H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp (do ông Huỳnh Hữu Nh1 nộp thay) theo Biên lai thu tiền số: 0004082 ngày 19/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang; ông H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 13 tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (17b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh